

Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế thuộc địa bàn Thành phố Hà Nội

Trương Hoàng Diệp Hương

Viện Nghiên cứu khoa học Ngân hàng, Học viện Ngân hàng

Phạm Đức Hiền - Trần Ngọc Lâm - Nguyễn Thành Thái - Nguyễn Thị Thu Hương

Học viện Ngân hàng

Ngày nhận: 11/06/2021

Ngày nhận bản sửa: 30/12/2021

Ngày duyệt đăng: 18/01/2022

***Tóm tắt:** Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế thuộc địa bàn Thành phố Hà Nội, từ đó đề xuất một số giải pháp và khuyến nghị nhằm nâng cao ý định khởi nghiệp của sinh viên Việt Nam. Dữ liệu nghiên cứu được thu nhập từ 206 sinh viên kinh*

Research on factors affecting entrepreneurial intention of economics students in Hanoi

Abstract: The objective of this study is to determine factors affecting entrepreneurial intention of economics students in Hanoi, thereby proposing several viable solutions and recommendations to promote entrepreneurial intention of Vietnamese students. Research data was collected from 206 economics students from universities in Hanoi, from December 2020 to April 2021. Through Binary Logistic analysis using SPSS software based on survey data, research results indicated that there are three factors affecting entrepreneurial intention of economics students, including Entrepreneurial Attitude, Subjective Norms, and Entrepreneurial Education. Regarding the level of impacts, Entrepreneurial Attitude has the most powerful impact, followed by Subjective Norms and Entrepreneurship Education respectively.

Keywords: Entrepreneurial intention, factors, students, economics, Hanoi

Huong Hoang Diep Truong

Email: huongthd@hvn.edu.vn

Research Institute for Banking

Hien Duc Pham

Email: phamduchien1999@gmail.com

Lam Ngoc Tran

Email: ngoclam270999@gmail.com

Thai Thanh Nguyen

Email: thaint1299@gmail.com

Huong Thi Thu Nguyen

Email: huongntt241@gmail.com

Organization of all: Banking Academy of Vietnam

tế thuộc các trường đại học trên đại bàn Thành phố Hà Nội. Thông qua phân tích Logistic bằng phần mềm SPSS dựa trên dữ liệu khảo sát, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng có 3 nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm: Thái độ khởi nghiệp, Chuẩn chủ quan và Giáo dục khởi nghiệp. Trong đó, về mức độ tác động, nhân tố Thái độ khởi nghiệp có tác động lớn nhất, tiếp đó là Chuẩn chủ quan và cuối cùng là Giáo dục khởi nghiệp. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để nhóm tác giả đề xuất các khuyến nghị nhằm nâng cao ý định khởi nghiệp của sinh viên Việt Nam.

Từ khóa: Ý định khởi nghiệp, nhân tố tác động, sinh viên, ngành kinh tế, Hà Nội

1. Giới thiệu

Trong nhiều năm qua, việc thúc đẩy khởi nghiệp đã trở thành mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế cũng như giảm thiểu thất nghiệp của nhiều quốc gia trên thế giới. Tại Việt Nam, nhận thức được tầm quan trọng của khởi nghiệp đối với sự phát triển kinh tế, những năm trở lại đây Chính phủ đã xây dựng các phương án, kế hoạch để nâng cao ý định khởi nghiệp nhằm thúc đẩy khả năng hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp. Năm 2016 đã được Chính phủ xác định là năm quốc gia khởi nghiệp, và vào tháng 5/2016, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” theo Quyết định số 844 ngày 18/5/2016. Đặc biệt, Chính phủ đã đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ để thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của sinh viên. Năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” theo Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017. Hàng loạt các chương trình hỗ trợ và khuyến khích sinh viên khởi nghiệp đã được tổ chức như chương trình khởi nghiệp của VCCI, Hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam, cuộc thi “Thắp sáng tài năng kinh doanh trẻ”.

Tuy nhiên, theo Báo cáo Chỉ số khởi nghiệp Việt Nam 2017/2018- GEM Việt Nam

2017/2018 của VCCI, tỷ lệ người trưởng thành ở Việt Nam có ý định khởi nghiệp chỉ đạt 25% năm 2017, vẫn thấp hơn mức trung bình 30,3% ở các nước phát triển dựa trên nguồn lực. Phần lớn sinh viên đại học Việt Nam có xu hướng nỗ lực học tập, đạt kết quả tốt nhất để tìm kiếm cơ hội việc làm tại các doanh nghiệp đang hoạt động thay vì khởi nghiệp. Tại Thành phố Hà Nội, số lượng sinh viên đại học khởi nghiệp vẫn còn thấp, bao gồm cả các đối tượng sinh viên khối ngành kinh tế.

Để thúc đẩy các ý tưởng khởi nghiệp tại Việt Nam, nghiên cứu này là cần thiết, được thực hiện nhằm xác định và đo lường mức độ tác động của các nhân tố đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế thuộc địa bàn Thành phố Hà Nội. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp, khuyến nghị nhằm nâng cao ý định khởi nghiệp của sinh viên Việt Nam.

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

Các nhân tố tác động đến hành vi khởi nghiệp của sinh viên có thể được tiếp cận thông qua mô hình lý thuyết hành vi có kế hoạch (Theory of planned behavior- TPB) của Ajzen (1991). Lý thuyết này được xây dựng nhằm mục tiêu cải thiện khả năng dự đoán của lý thuyết hành động hợp lý (Theory of reasoned action-TRA). Theo đó,

Ajzen (1991) bổ sung thêm nhân tố kiểm soát nhận thức hành vi vào mô hình TRA. Lý thuyết về hành vi có kế hoạch (TPB) là một lý thuyết tâm lý liên kết niềm tin với hành vi. Lý thuyết cho rằng ba thành phần cốt lõi, cụ thể là thái độ, chuẩn mực chủ quan và khả năng kiểm soát hành vi nhận thức, cùng hình thành ý định hành vi của một cá nhân. Nguyên lý của TPB nhận định rằng ý định hành vi là nhân tố quyết định gần nhất đến hành vi của cá nhân.

Những năm trở lại đây, các học giả nghiên cứu ý định khởi nghiệp thường áp dụng mô hình Lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) của Ajzen (1991) và cho thấy việc áp dụng mô hình này là phù hợp với rất nhiều các nghiên cứu thực nghiệm (Van Gelderen và cộng sự, 2008). Nghiên cứu của Kolvereid (1996) khẳng định khung lý thuyết do Ajzen xây dựng là mô hình hoàn chỉnh nhất để lý giải hay dự đoán ý định khởi nghiệp. Walker và cộng sự (2013) cũng cho rằng việc áp dụng mô hình TPB khi nghiên cứu ý định khởi nghiệp là hoàn toàn phù hợp. Miranda và cộng sự (2017) áp dụng mô hình lý thuyết hành vi có kế hoạch (Theory of planned behavior- TPB) của Ajzen (1991) bao gồm ba yếu tố là: Thái độ đối với khởi nghiệp, chuẩn chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi để đo lường ý định khởi nghiệp của sinh viên với cỡ mẫu nghiên cứu lớn là 1.178 sinh viên ở Tây Ban Nha. Kết quả nghiên cứu cho thấy thái độ đối với khởi nghiệp có ảnh hưởng cùng chiều rõ ràng nhất đến ý định khởi nghiệp. Amos và Alex (2014) xem xét ba yếu tố tác động của mô hình TPB kết hợp với nhân tố môi trường và yếu tố đặc điểm nhân khẩu học khi nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của 326 sinh viên đến từ 3 trường đại học ở Kenya. Kết quả nghiên cứu cho thấy giới tính, truyền thống kinh doanh gia đình, thái độ đối với khởi nghiệp, nhận thức kiểm soát hành vi, chuẩn

chủ quan và hệ sinh thái khởi nghiệp có ảnh hưởng cùng chiều đến ý định khởi nghiệp. Mở rộng mô hình TPB truyền thống, nhiều tác giả tìm kiếm các nhân tố ngoại sinh khác, như môi trường đào tạo, *tác động đến ý định và hành vi khởi nghiệp*. Do sinh viên là những cá nhân còn đang ngồi trên ghế các trường đại học, các chương trình giáo dục kinh doanh và đào tạo khởi nghiệp thường có tác động không nhỏ đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Nghiên cứu của Kolvereid và Moen (1997) đưa ra kết luận những sinh viên tham gia nhiều các chương trình đào tạo khởi nghiệp thường có ý định khởi nghiệp cao hơn so với những sinh viên không tham gia. Nghiên cứu của Koe (2016) với mẫu nghiên cứu gồm 176 sinh viên đại học khẳng định tầm quan trọng của việc tham gia các chương trình đào tạo khởi nghiệp đối với sự hình thành và phát triển ý định khởi nghiệp của sinh viên. Nguyễn Xuân Hiệp và cộng sự (2019) sử dụng dữ liệu nghiên cứu được thu nhập từ 430 sinh viên năm cuối khối ngành kinh tế của 10 trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh có tỷ lệ sinh viên khởi nghiệp cao sau khi tốt nghiệp. Kết quả cho thấy các nhân tố ảnh hưởng cùng chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh với mức độ tác động sắp xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp bao gồm: Giáo dục kinh doanh, chuẩn chủ quan, môi trường khởi nghiệp, đặc điểm tính cách, nhận thức tính khả thi. Phan Anh Tú và Giang Thị Cẩm Tiên (2015) nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh trường Đại học Cần Thơ. Nghiên cứu áp dụng mô hình TPB đồng thời bổ sung thêm ba yếu tố: Giáo dục, nguồn vốn và nhu cầu thành đạt. Kết quả cho thấy có 5 yếu tố ảnh hưởng cùng chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên được xếp theo thứ tự mức độ

tác động từ cao xuống thấp bao gồm: Thái độ, giáo dục, nguồn vốn, chuẩn chủ quan, nhận thức kiểm soát hành vi. Ở Việt Nam, theo nhóm tác giả, chưa có một nghiên cứu nào về các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên với quy mô khảo sát là sinh viên khối ngành kinh tế thuộc địa bàn Thành phố Hà Nội. Nhận thấy các ưu điểm của mô hình Lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) của Ajzen (1991) trong việc lý giải ý định khởi nghiệp, nhóm tác giả quyết định xây dựng mô hình nghiên cứu dựa trên mô hình TPB, đồng thời bổ sung thêm biến độc lập giáo dục khởi nghiệp để làm tăng khả năng giải thích ý định khởi nghiệp của sinh viên.

3. Mô hình và phương pháp nghiên cứu

3.1. Mô hình nghiên cứu

Mô hình TPB của Ajzen (1991) được nhóm tác giả kế thừa trong nghiên cứu này. Theo đó, ý định khởi nghiệp theo lý thuyết TPB chịu tác động của ba nhân tố, đó là thái độ khởi nghiệp, chuẩn chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi. Tuy nhiên việc thêm các biến độc lập khả dĩ khác vào mô hình nghiên cứu có thể mang đến độ chính xác cao hơn trong việc dự đoán ý định khởi nghiệp (Koe, 2016). Ngay cả người đưa ra mô hình TPB là Ajzen (1991) cũng cho rằng chỉ có 30%- 50% sự biến động của hành vi có thể được giải thích bằng cách sử dụng mô hình TPB. Như vậy, mặc dù mô hình TPB được nhiều nhà nghiên cứu đánh giá là mô hình hiệu quả nhất để nghiên cứu ý định khởi nghiệp, việc đưa thêm một số biến độc lập khác vào mô hình nghiên cứu là cần thiết để tăng độ lý giải ý định khởi nghiệp.

Nhiều nghiên cứu trên thế giới chỉ ra rằng giáo dục khởi nghiệp có ảnh hưởng cùng chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên,

thậm chí có tác động tới cả sự thành công của các doanh nghiệp khởi nghiệp mới được thành lập (Kolvereid và Moen, 1997; Koe, 2016). Như vậy, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế thuộc địa bàn Thành phố Hà Nội bao gồm 4 nhân tố: Thái độ khởi nghiệp, Chuẩn chủ quan, Nhận thức kiểm soát hành vi, Giáo dục khởi nghiệp.

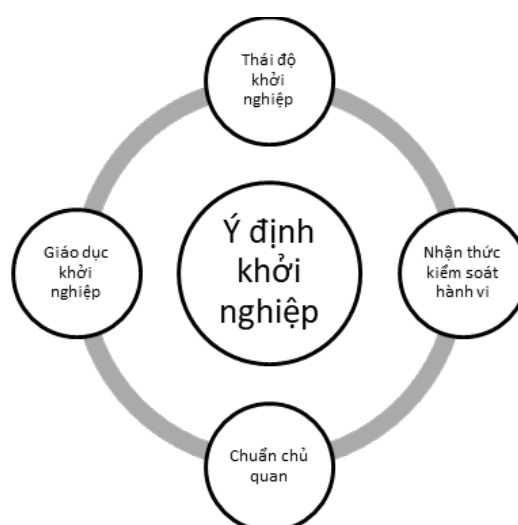
3.2. Các giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết H1: Thái độ khởi nghiệp ảnh hưởng cùng chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

Giả thuyết H2: Chuẩn chủ quan ảnh hưởng cùng chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

Giả thuyết H3: Nhận thức kiểm soát hành vi ảnh hưởng cùng chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

Giả thuyết H4: Giáo dục khởi nghiệp ảnh hưởng cùng chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.



Nguồn: Nhóm Tác giả đề xuất dựa trên tổng quan nghiên cứu

Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

3.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu định lượng được thực hiện thông qua kỹ thuật phát bảng câu hỏi đến sinh viên tại các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội. Dữ liệu định lượng sơ cấp được tiến hành làm sạch và phân tích với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS. Để đánh giá chất lượng bộ câu hỏi, 20 phiếu điều tra thử nghiệm được phát ra. Sau khi hiệu chỉnh và hoàn thiện nội dung bộ câu hỏi, nhóm nghiên cứu đã phát ra 213 phiếu khảo sát chính thức từ tháng 10/2020 đến tháng 4/2021 và thu về 206 phiếu trả lời đạt yêu cầu. Mẫu được lựa chọn theo phương pháp thuận tiện nhằm tăng khả năng tiếp cận đối tượng khảo sát.

Để đánh giá quan điểm của của đối tượng tham gia khảo sát về các nhân tố tác động đến hành vi khởi nghiệp, các biến quan sát được đo lường bằng thang đo Likert từ 1 đến 5. Thang đo Likert sử dụng các lựa chọn, cho phép phân vùng phạm vi cảm nhận, đánh giá (Bảng 1). Các phiếu trả lời được đưa vào phần mềm SPSS 16 để xử lý dữ liệu. Nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS 16 để xác định hệ số Cronbach's Alpha và thực hiện phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factor Analysis) để đánh giá, kiểm định thang đo và độ tin cậy của các biến quan sát. Cuối cùng, sau khi các biến rác được loại và thang đo có độ tin cậy cao, mô hình tiếp tục được kiểm định bằng hồi quy nhị phân Binary Logistic. Bên cạnh đó, ý định khởi nghiệp của sinh viên được đánh giá dựa trên câu hỏi "bạn có ý định khởi nghiệp không". Câu trả lời được mã hóa thành biến nhị phân, với 0 là chưa có, và 1 là đã và đang có ý định khởi nghiệp.

Do biến phụ thuộc, ý định khởi nghiệp là biến nhị phân, nên nhóm nghiên cứu đã lựa chọn hồi quy nhị phân Binary Logistic nhằm chỉ ra mối quan hệ giữa các biến độc

lập khi thay đổi sẽ ảnh hưởng tới xác suất sinh viên có ý định khởi nghiệp ra sao. Nhóm nghiên cứu sử dụng hồi quy nhị phân Binary Logistic để đánh giá và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trên địa bàn Thành phố Hà Nội như sau:

$$YDKNSV = \ln [P_i / (1 - P_i)] = \beta_0 + \beta_1 * TD + \beta_2 * CCQ + \beta_3 * NT + \beta_4 * GD$$

Trong đó:

- + YDKNSV: Ý định khởi nghiệp sinh viên
- + TD: Thái độ khởi nghiệp
- + CCQ: Chuẩn chủ quan
- + NT: Nhận thức kiểm soát hành vi
- + GD: Giáo dục khởi nghiệp

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

Kết quả của khảo sát thu về được 213 phiếu trả lời, trong đó có 206 phiếu hợp lệ. Số lượng quan sát trên phù hợp với yêu cầu của phân tích nhân tố (MacCallum, 1999). Theo kết quả thu được từ khảo sát, về giới tính có 130 nữ (63%), 76 nam (37%). Về trường học, 64% sinh viên tham gia khảo sát là sinh viên đang theo học tại Học viện Ngân hàng. Số lượng sinh viên Kinh tế Quốc dân chiếm 15% và số lượng sinh viên Học viện Tài chính chiếm 8%, số sinh viên học các trường khác chiếm 13%. Học viện Ngân hàng, Kinh tế Quốc dân và Học viện Tài chính đều là các trường đào tạo khối ngành kinh tế có uy tín trên địa bàn thành phố Hà Nội. Trong số các sinh viên tham gia khảo sát, số lượng sinh viên năm 4 chiếm 65,4%, năm 3 chiếm 21,5%, còn lại là sinh viên năm 1 và 2. Sinh viên năm 3, 4 là giai đoạn sinh viên chuẩn bị ra trường và phải quyết định hướng đi nghề nghiệp tương lai, do đó ý định khởi nghiệp thường được hình thành rõ ràng hơn trong giai đoạn này. Sinh viên được khảo sát chủ yếu

Bảng 1. Diễn giải biến trong mô hình nghiên cứu

Tên biến	Biến quan sát	Nguồn
Ý định khởi nghiệp (YDKNSV)	YDKNSV: Bạn có ý định khởi nghiệp không	Miranda (2017), Yurtkoru (2014)
Thái độ khởi nghiệp (TD)	TD1: Bạn cảm thấy hứng thú với việc khởi nghiệp	Miranda (2017), Yurtkoru (2014), Lián (2009), Krueger (2000)
	TD2: Bạn cho rằng việc khởi nghiệp mang lại nhiều lợi ích hơn bất lợi	
	TD3: Trong các lựa chọn khác nhau, khởi nghiệp là lựa chọn ưu tiên của bạn	
	TD4: Nếu có cơ hội và nguồn lực, bạn sẽ khởi nghiệp	
Chuẩn chủ quan (CCQ)	CCQ1: Các thành viên trong gia đình sẽ ủng hộ ý định khởi nghiệp của bạn	Miranda (2017), Lián (2009), Krueger (2000)
	CCQ2: Bạn bè sẽ ủng hộ ý định khởi nghiệp của bạn	
	CCQ3: Tại nơi bạn đang sinh sống, mọi người được khuyến khích khởi nghiệp	
	CCQ4: Bạn biết nhiều người đã khởi nghiệp thành công	
Nhận thức kiểm soát hành vi (NT)	NT1: Bạn tin rằng mình có đủ tố chất để tạo lập và vận hành một doanh nghiệp khởi nghiệp	Autio (2001), Yurtkoru (2014), Leong (2008), Lián (2009), Krueger (2000)
	NT2: Bạn tin rằng mình có đủ năng lực tài chính để bắt đầu khởi nghiệp	
	NT3: Bạn có một mạng lưới quan hệ rộng có thể tận dụng trong quá trình khởi nghiệp của bạn	
	NT4: Bạn tin rằng mình tiếp cận được các nguồn thông tin đáng tin cậy, hữu ích cho doanh nghiệp khởi nghiệp	
Giáo dục khởi nghiệp (GD)	GD1: Chương trình học của nhà trường đã cung cấp cho bạn đầy đủ những kiến thức cần thiết cho việc khởi nghiệp	Koe (2016), Nguyễn Thu Thủy (2014)
	GD2: Bạn được thảo luận về các ý tưởng khởi nghiệp trong quá trình học tập tại trường	
	GD3: Nhà trường đánh giá cao việc giảng dạy về ứng dụng khoa học công nghệ vào kinh doanh	
	GD4: Nhà trường đã bồi dưỡng các kỹ năng xã hội và khả năng lãnh đạo cần có của doanh nhân khởi nghiệp	
	GD5: Bạn tham gia các hoạt động ngoại khóa liên quan đến kinh doanh (như hoạt động ở các câu lạc bộ liên quan đến kinh doanh...)	
	GD6: Bạn tham dự các cuộc hội thảo về khởi nghiệp	
	GD7: Bạn tham gia các cuộc thi liên quan đến khởi nghiệp và kinh doanh nói chung	

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

học chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng và Quản trị kinh doanh, với số lượng sinh viên Tài chính- Ngân hàng chiếm 47% và sinh viên Quản trị kinh doanh chiếm 21%. Nghề nghiệp đem lại thu nhập chính cho gia đình của sinh viên tham gia khảo sát là 53% làm

công chức/viên chức, 36% là kinh doanh, 9% làm ngành nghề khác và chỉ có 2% làm nông nghiệp.

4.2. Đánh giá thang đo bằng Cronbach's Alpha

Bảng 2. Tóm tắt kết quả kiểm định Cronbach's Alpha

STT	Biến/ Nhân tố	Số biến đo lường	Cronbach's Alpha	Hệ số tương quan biến tổng thấp nhất
1	Thái độ khởi nghiệp (TD)	4	0,612	0,299
2	Chuẩn chủ quan (CCQ)	4	0,627	0,336
3	Nhận thức kiểm soát hành vi (NT)	4	0,636	0,313
4	Giáo dục khởi nghiệp (GD)	7	0,708	0,352

Nguồn: Kết quả sau khi xử lý số liệu qua phần mềm SPSS 16

Thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trên địa bàn thành phố Hà Nội gồm 19 biến quan sát với 4 nhóm nhân tố: (1) Thái độ khởi nghiệp; (2) Chuẩn chủ quan; (3) Nhận thức kiểm soát hành vi; (4) Giáo dục khởi nghiệp. Qua phân tích Cronbach's Alpha cho thấy các biến đo lường thuộc 4 nhân tố ảnh hưởng đều có hệ số tương quan biến tổng $> 0,3$; hệ số Cronbach's Alpha $> 0,6$ (Bảng 2) nên đạt yêu cầu về độ tin cậy (Nunnally và cộng sự, 1994). Tuy nhiên, trong nhân tố thái độ khởi nghiệp, biến TD2 có hệ số tương quan biến tổng khá thấp là 0,299, nhỏ hơn 0,3. Tương tự, biến NT3 trong nhân tố nhận thức kiểm soát hành vi cũng có hệ số tương quan biến tổng thấp (0,313). Do đó, nhóm tác giả loại bỏ biến TD2 và NT3. Sau khi loại bỏ, Cronbach's Alpha của nhân tố "Thái độ khởi nghiệp" là 0,606, và của nhân tố "Nhận thức kiểm soát hành vi" là 0,640, đủ điều kiện để đưa vào phân tích EFA. Sau khi kiểm định Cronbach's Alpha, 4 nhân tố cùng 17 biến quan sát được tiếp tục đưa vào phân tích.

4.3. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Sau khi phân tích Cronbach's Alpha, nhóm tác giả tiến hành phân tích nhân tố khám phá (EFA). Phương pháp trích rút được sử dụng là phân tích nhân tố chính (Principal components) với phép xoay Varimax được

thực hiện nhằm nhận diện các nhân tố cho các bước phân tích tiếp theo các nhân tố đều có hệ số Kaiser- Meyer- Olkin (KMO) bằng 0,858, nằm trong khoảng $0,5 \leq KMO \leq 1$, là điều kiện đủ chỉ ra rằng các biến tương quan với nhau và dữ liệu phù hợp để tiến hành EFA và mức ý nghĩa $\text{sig.} = 0,00 < 0,05$. Giá trị Eigenvalue đạt 1,172 và phương sai trích được là 58,566% ($> 50\%$), tất cả các biến đo lường đều có hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,3 (Bảng 3) nên đạt yêu cầu của phân tích nhân tố khám phá (EFA). Do đó, các biến đo lường được hiệu chỉnh thành 5 nhóm mới và được tiếp tục đưa vào phân tích hồi quy đa biến (Bảng 4).

Trong đó, biến giáo dục khởi nghiệp có thể được chia thành 2 biến nhỏ hơn, đó là giáo dục trong trường đại học (GDT) và giáo dục ngoài trường đại học (GDN). Do sinh viên là những cá nhân còn đang ngồi trên ghế các trường đại học, các chương trình giáo dục kinh doanh và đào tạo khởi nghiệp thường có tác động không nhỏ đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Nghiên cứu của Kolvereid và Moen (1997) và Koe (2016) đưa ra kết luận những sinh viên tham gia nhiều các chương trình đào tạo khởi nghiệp thường có ý định khởi nghiệp cao hơn so với những sinh viên không tham gia. Do đó, 7 giả thuyết nghiên cứu được bổ sung và hiệu chỉnh sau khi hình thành thêm 02 biến: Giáo dục trong trường đại học (GDT), Giáo dục ngoài trường đại học (GDN); và

Bảng 3. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA

	Thái độ khởi nghiệp	Nhận thức kiểm soát hành vi	Giáo dục trong trường đại học	Chuẩn chủ quan	Giáo dục ngoài nhà trường
TD2	0,803				
NT4	0,676				
TD1	0,573				
NT3		0,874			
GD2		0,613			
NT2		0,565			
NT1		0,490			
GD7			0,818		
GD4			0,700		
GD1			0,367		
CCQ4				0,726	
CCQ3				0,696	
CCQ2				0,659	
CCQ1				0,516	
TD3					0,799
GD5					0,579
KMO	0,858				
Eigenvalue	1,172				
Phương sai trích (%)	58,566%				

Nguồn: Kết quả sau khi xử lý số liệu qua phần mềm SPSS

02 biến kết hợp: GDN với TD và GDT với GDN (Giả thuyết 6 và 7) như Hình 2.

4.4. Kiểm định hệ số tương quan

Dựa trên bảng phân tích tương quan Pearson (Bảng 5), có thể thấy không có hệ số tương quan nào lớn hơn 0,7. Hệ số tương quan cao nhất là 0,536 giữa biến thái độ và nhận thức. Như vậy, không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến trong mô hình.

4.5. Phân tích hồi quy

Kết quả hồi quy Logistic tại Bảng 6 cho thấy, Sig kiểm định Wald của biến độc lập TD, CCQ và GDNxGNT nhỏ hơn 0,1. Do

đó, thái độ, chuẩn chủ quan, và tác động gộp của biến giáo dục trong và ngoài nhà trường có ảnh hưởng đến “Ý định khởi nghiệp của sinh viên” với mức ý nghĩa lần lượt là 5%, 1%, và 10%. Các biến NT, GDN, GDT và GDNxTD có giá trị p-value < 0,1. Do đó, nghiên cứu không tìm thấy bằng chứng về tác động của các biến nhận thức, giáo dục trong trường, giáo dục ngoài trường, và tác động gộp của giáo dục ngoài nhà trường và thái độ đến “Ý định khởi nghiệp của sinh viên”

Từ Bảng 6, Nhóm nghiên cứu đã đưa ra phương trình hồi quy Logistic:

$$\ln [P_i \div (1 - P_i)] = -9,117 + 2,645TD + 0,840CCQ + 0,633GDN \cdot GDT$$

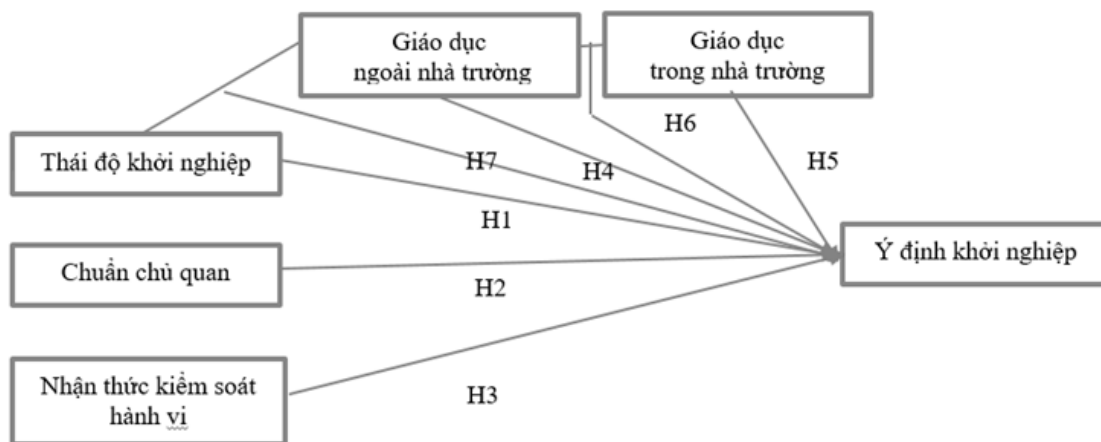
Giá trị beta (B) của nhân tố thái độ, chuẩn

Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế thuộc địa bàn Thành phố Hà Nội

Bảng 4. Nhóm các nhân tố sau hiệu chỉnh

Nhân tố	Biến	Ý nghĩa	Tên nhân tố
1	TD1	Bạn cảm thấy hứng thú với việc khởi nghiệp	Thái độ khởi nghiệp (TD)
	TD2	Bạn cho rằng việc khởi nghiệp mang lại nhiều lợi ích hơn bất lợi	
	NT4	Bạn tin rằng mình tiếp cận được các nguồn thông tin đáng tin cậy, hữu ích cho doanh nghiệp khởi nghiệp	
2	NT1	Bạn tin rằng mình có đủ tố chất để tạo lập và vận hành một doanh nghiệp khởi nghiệp	Nhận thức kiểm soát hành vi (NT)
	NT2	Bạn tin rằng mình có đủ năng lực tài chính để bắt đầu khởi nghiệp	
	NT3	Bạn có một mạng lưới quan hệ rộng có thể tận dụng trong quá trình khởi nghiệp của bạn	
	GD2	Bạn được thảo luận về các ý tưởng khởi nghiệp trong quá trình học tập tại trường	
3	GD1	Chương trình học của nhà trường đã cung cấp cho bạn đầy đủ những kiến thức cần thiết cho việc khởi nghiệp	Giáo dục trong trường đại học (GDT)
	GD4	Nhà trường đã bồi dưỡng cho bạn các kỹ năng xã hội và khả năng lãnh đạo cần có của doanh nhân khởi nghiệp	
	GD7	Bạn tham gia các cuộc thi liên quan đến khởi nghiệp và kinh doanh nói chung	
4	CCQ1	Các thành viên trong gia đình sẽ ủng hộ ý định khởi nghiệp của bạn	Chuẩn chủ quan (CCQ)
	CCQ2	Bạn bè sẽ ủng hộ ý định khởi nghiệp của bạn	
	CCQ3	Tại nơi bạn đang sinh sống, mọi người được khuyến khích khởi nghiệp	
	CCQ4	Bạn biết nhiều người đã khởi nghiệp thành công	
5	TD3	Trong các lựa chọn khác nhau, khởi nghiệp là lựa chọn ưu tiên của bạn	Giáo dục ngoài trường đại học (GDN)
	GD5	Bạn tham gia các hoạt động ngoại khóa liên quan đến kinh doanh	

Nguồn: Tác giả tổng hợp đề xuất



Nguồn: Nhóm Tác giả đề xuất

Hình 2. Mô hình hồi quy hiệu chỉnh

Bảng 5. Kết quả phân tích tương quan Pearson

	YDKNSV	TD	NT	CCQ	GDN	GDT
YDKNSV	1	0	0	0	0	0
TD	0,524	1	0	0	0	0
NT	0,422	0,536	1	0	0	0
CCQ	0,439	0,472	0,511	1	0	0
GDN	0,302	0,422	0,472	0,378	1	0
GDT	0,334	0,392	0,415	0,351	0,378	1

Nguồn: Kết quả sau khi xử lý số liệu qua phần mềm SPSS

Bảng 6. Kết quả hồi quy nhị phân Binary Logistic

	B	E(β)	S.E.	Sig.
Constant	-9,117	0,00	5,608	0,018
TD	2,645	14,090	1,069	0,013
NT	0,360	1,434	0,314	0,251
CCQ	0,840	2,316	0,309	0,007
GDN	0,009	1,009	1,342	0,995
GDT	-1,414	0,243	1,002	0,158
GDNxGDT	0,633	1,883	0,340	0,063
GDNxTD	-0,527	0,591	0,369	0,154

Nguồn: Kết quả sau khi xử lý số liệu qua phần mềm SPSS

chủ quan, và tác động gộp của giáo dục trong và ngoài nhà trường đều lớn hơn 0, nên tất cả các biến đều có tác động cùng chiều với biến phụ thuộc. Khi “Thái độ khởi nghiệp” cao, “Chuẩn chủ quan” cao và “Giáo dục khởi nghiệp trong và ngoài trường” cao thì sẽ tăng khả năng hình thành ý định khởi nghiệp ở sinh viên, trong đó biến “Thái độ khởi nghiệp” có ảnh hưởng lớn nhất đến “Ý định khởi nghiệp của sinh viên”, lần lượt tiếp đến là “Chuẩn chủ quan” và “Giáo dục khởi nghiệp trong và ngoài trường”. Điểm mạnh của Binary Logistic là khả năng dự báo nên dựa vào phương trình trên ta có thể đưa ra phương trình mô hình dự báo theo tính chất của hồi quy nhị phân.

$$P_i = E(Y = 1 \div X) = e^{(-9,117+2,645TD+0,840CCQ+0,633GDN \cdot GDT)} \div (1 + e^{(-9,117+2,645TD+0,840CCQ+0,633GDN \cdot GDT)})$$

Nhóm tác giả kiểm định 07 giả thuyết và 03 giả thuyết được chấp nhận, 04 giả thuyết bị bác bỏ. Theo đó, không tìm thấy bằng chứng về tác động của nhân tố “nhận thức kiểm soát hành vi” tới “Ý định khởi nghiệp của sinh viên” khỏi ngành kinh tế trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Giáo dục ngoài và giáo dục trong trường đại học không ảnh hưởng trực tiếp tới ý định khởi nghiệp sinh viên mà chỉ ảnh hưởng khi kết hợp lại với nhau. Trong các giả thuyết từ H1 tới H7, ta chấp nhận các giả thuyết H1, H2 và H6, tương ứng với các biến độc lập “Thái độ khởi nghiệp”, “Chuẩn chủ quan” và “Giáo dục khởi nghiệp trong và ngoài nhà trường”. Giả thuyết H3, H4, H5 và H7 bị bác bỏ, tác giả không tìm được bằng chứng ủng hộ tác động của các biến này đến “Ý định khởi nghiệp của sinh viên”.

5. Kết luận và khuyến nghị

5.1. Kết luận

Bài viết nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Với 206 phiếu khảo sát thu về, bài viết sử dụng mô hình Binary Logistic để lượng hóa và giải quyết các câu hỏi nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 3 nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm: Thái độ khởi nghiệp, Chuẩn chủ quan và Giáo dục khởi nghiệp. Về mức độ tác động, trong các nhân tố trên, thái độ khởi nghiệp có tác động lớn nhất, tiếp đến là Chuẩn chủ quan và cuối cùng là Giáo dục khởi nghiệp.

Hạn chế của nghiên cứu là chưa kiểm chứng được mối quan hệ giữa ý định khởi nghiệp và hành vi thực hiện hoạt động khởi nghiệp. Do đó, nhóm nghiên cứu gợi mở một số hướng nghiên cứu như nghiên cứu nhóm đối tượng sinh viên mới ra trường nhằm tìm hiểu sự thay đổi của ý định khởi nghiệp trước các tác động của môi trường bên ngoài, hay nghiên cứu động lực tác

động tới việc thực hiện hành động khởi nghiệp từ ý định khởi nghiệp.

5.2. Một số khuyến nghị

Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đưa ra một số khuyến nghị như sau:

Thứ nhất, các trường đại học cần chú trọng nâng cao nhận thức của sinh viên về sự cần thiết của khởi nghiệp đối với chính bản thân sinh viên, nhất là trong thời đại cách mạng công nghệ 4.0 thông qua các buổi tọa đàm, tư vấn, vừa chia sẻ vừa mang tính hướng nghiệp, từ đó sinh viên hình thành cho mình ý định khởi nghiệp một cách rõ ràng.

Thứ hai, các trường đại học cần chú trọng việc thiết lập và cải thiện hiệu quả hoạt động của các kênh thông tin hỏi đáp (như fanpage, hòm thư...) giải đáp cho sinh viên những thắc mắc có thể gặp phải khi khởi nghiệp, giúp sinh viên không gặp khó khăn khi tìm hướng giải quyết các vấn đề gặp phải và có thêm kinh nghiệm về kinh doanh.

Thứ ba, các trường đại học cần coi trọng việc xây dựng các chương trình đào tạo

Bảng 7. Tổng hợp kết quả kiểm định giả thuyết

Giả thuyết	Nội dung	Kết quả
H1	Thái độ khởi nghiệp ảnh hưởng cùng chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.	Chấp nhận
H2	Chuẩn chủ quan ảnh hưởng cùng chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.	Chấp nhận
H3	Nhận thức kiểm soát hành vi ảnh hưởng cùng chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.	Bác bỏ
H4	Giáo dục khởi nghiệp ngoài nhà trường ảnh hưởng cùng chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.	Bác bỏ
H5	Giáo dục khởi nghiệp trong nhà trường ảnh hưởng cùng chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.	Bác bỏ
H6	Giáo dục ngoài nhà trường và trong nhà trường có tác động gộp (GDNxGDT) ảnh hưởng cùng chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên	Chấp nhận
H7	Giáo dục ngoài nhà trường và thái độ khởi nghiệp có tác động gộp (GDNxTD) ảnh hưởng cùng chiều đến ý định khởi nghiệp của sinh viên	Bác bỏ

Nguồn: Kết quả sau khi xử lý số liệu qua phần mềm SPSS



kiến thức kinh doanh cơ bản và các tình huống giả định gặp phải trong kinh doanh. Các tài liệu của chương trình nên có cả trên ứng dụng e-learning để phục vụ tốt nhất cho sinh viên ngay cả khi họ không có thời gian lên lớp.

Thứ tư, sự liên kết của trường học đại học và các doanh nghiệp khởi nghiệp là cần thiết để sinh viên có cơ hội giao lưu, học hỏi từ những doanh nhân khởi nghiệp thành công ■

Tài liệu tham khảo

- Ajzen, I. (1991), "The theory of planned behavior", *Organizational behavior and human decision processes*, 50 (2), 179-211;
- Amos & Alex (2014), "Theory of Planned Behaviour, Contextual Elements, Demographic Factors and Entrepreneurial Intentions of Students in Kenya", *European Journal of Business and Management*, Vol.6, No.15, 2014;
- Koe, W. L. (2016), "The relationship between Individual Entrepreneurial Orientation (IEO) and entrepreneurial intention", *Journal of Global Entrepreneurship Research*, 6(1), 13;
- Kolvereid, L. (1996), "Prediction of employment status choice intentions", *Entrepreneurship: Theory and Practice*, 21(1), 47-58;
- Kolvereid, L., & Moen, Ø. (1997), "Entrepreneurship among business graduates: does a major in entrepreneurship make a difference?", *Journal of European industrial training*, 21(4), 154-160;
- Krueger, N.F., Reilly, M.D., & Carsrud, A.L. (2000), "Competing models of entrepreneurial intentions", *Journal of business venturing*, 15 (5), 411-432;
- Liñán, F., & Chen, Y. W. (2009), "Development and Cross-Cultural application of a specific instrument to measure entrepreneurial intentions", *Entrepreneurship theory and practice*, 33(3), 593-617;
- MacCallum, R. C., Widaman, K. F., Zhang, S., and Hong, S. (1999). "Sample Size in Factor Analysis". *American Psychological*, 4(1), 84-99.
- Miranda, F. J., Chamorro-Mera, A., & Rubio, S. (2017), "Academic entrepreneurship in Spanish universities: An analysis of the determinants of entrepreneurial intention", *European Research on Management and Business Economics*.
- Nunnally, J., & Bernstein, I. (1994) *Psychometric Theory*, 3th ed. McGraw- Hill, New York;
- Nguyễn Hải Quang và Cao Nguyễn Trung Cường (2017), "Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự doanh nghiệp của sinh viên khoa Quản trị Kinh doanh Trường Đại học Kinh tế-Luật", *Tạp chí Khoa học*, 25(3), 10-18.
- Nguyễn Thu Thủy (2014), "Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến tiềm năng khởi sự kinh doanh của sinh viên đại học", luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;
- Nguyễn Xuân Hiệp, Trần Hà Thanh và Nguyễn Thị Yến Nhi (2019), "Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp kinh doanh sinh viên khối ngành kinh tế các trường Đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh", *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính- Marketing*, 51(6).
- Phan Anh Tú và Giang Thị Cẩm Tiên (2015), "Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự doanh nghiệp: Trường hợp sinh viên khoa kinh tế và quản trị kinh doanh trường Đại học Cần Thơ", *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ Phần D: Khoa học Chính trị, Kinh tế và Pháp luật*, 38 (2015), 59-66;
- Van Gelderen, M., Brand, M., van Praag, M., Bodewes, W., Poutsma, E., & Van Gils, A. (2008), "Explaining entrepreneurial intentions by means of the theory of planned behaviour", *Career Development International*, 13(6), 538-559;
- VCCI (2018). Báo cáo chỉ số khởi nghiệp Việt Nam 2017/2018. Truy cập tại: <http://vbis.vn/bao-cai-so-khoi-nghiep-2017-2018.html>
- Walker, J. K., Jeger, M., & Kopecki, D. (2013), "The role of perceived abilities, subjective norm and intentions in entrepreneurial activity", *The Journal of Entrepreneurship*, 22(2), 181-202;
- Yurtkoru, E. S., Kuşcu, Z. K., & Doanay, A. (2014), "Exploring the Antecedents of Entrepreneurial Intention on Turkish University Students", *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 150, 841-850.